VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **08314/2025/PKQ/25.5308**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà
Địa chỉ	Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Thông tin mẫu	Họng cấp nước DN1200 (Nút giao VĐ3- Trần Duy Hưng, Hà Nội (Thời gian Ngày 15/11/2025)
Loại mẫu	Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu	15/11/2025
Thời gian thử nghiệm	15/11/2025 - 08/12/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/ BYT
Các thông số nhóm A					
1	*Coliform*(+)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	< 1
2	*E.Coli*(+)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	<1
3	Màu sắc(+)	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	15
4	Mùi(+)	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH(+)	-	TCVN 6492:2011	7,2	6 ÷ 8,5
6	Độ đục(+)	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	2
7	Asen (As)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,01
8	Clo dư tự do(+)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,5	0,2 ÷ 1
9	Chỉ số pecmanganat(+)	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,6	2
10	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD=0,03)	1
Các thông số nhóm B					
11	*Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)*(+)	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B : 2023	KPH (LOD=1)	< 1
12	*Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)*(+)	CFU/ 100mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD=1)	< 1
13	Antimon (Sb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,02
14	Bari (Ba)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0138	1,3
15	Bor (B) tính chung cho cả Borat và axit Boric(+)	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	2,4

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

16	Cadimi (Cd)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,003
17	Chì (Pb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,01
18	Clorua (Cl^-)(+)	mg/L	TCVN 6194:1996	17,6	250
19	Chromi (Cr)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,05
20	Đồng (Cu)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,01)	1
21	Độ cứng tính theo $CaCO_3$(+)	mg/L	TCVN 6224:1996	43,6	300
22	Florua (F^-)(+)	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	1,5
23	Kẽm (Zn)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,01)	2
24	Mangan (Mn)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,01)	0,1
25	Natri (Na)(+)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	4,33	200
26	Nhôm (Al)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0606	0,2
27	Niken (Ni)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,07
28	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,33	11
29	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (LOD=0,006)	0,9
30	Sắt (Fe)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,01)	0,3
31	Selen (Se)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,04
32	Sunphat (SO_4^{2-})(+)	mg/L	SMEWW 4500-SO42-.E:2023	<4,5	250
33	Sunfua (S^{2-}) (tính theo H2S)(+)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,01)	0,05
34	Thủy ngân (Hg)(+)	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0002)	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(+)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	95	1.000
36	Xyanua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	0,05
37	1,1,1 - Trichloroethane(+)	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	2.000
38	1,2 - Dichloroethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	30
39	1,2 - Dichloroethene(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	50
40	Carbon tetrachloride(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	2
41	Dichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	20
42	Tetrachloroethene (+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	40

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

43	Trichloroethene (+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	8
44	Vinyl chloride (+)	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,3
45	Benzene (+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	10
46	Ethylbenzene (+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	300
47	Pentachlorophenol (+)	µg/ L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	9
48	Styrene (+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
49	Toluene (+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	700
50	Xylene (+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	500
51	1,2 - Dichlorobenzene(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	1.000
52	Monochlorobenzene(+)	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	300
53	Trichlorobenzene(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
54	Acrylamide(+)	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	0,5
55	Epichlorohydrin(+)	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,4
56	Hexachlorobutadiene(+)	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	0,6
57	1,2- Dibromo - 3 chloropropane(+)	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	1
58	1,2 - Dichloropropane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	40
59	1,3- Dichloropropene(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
60	2,4 - D(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	30
61	2,4 - DB(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	90
62	Alachlor(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
63	Aldicarb(+)	µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	10
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	100
65	Carbofuran(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	5
66	Chlorpyrifos(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	30
67	Chlordane(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	0,2
68	Chlorotoluron(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	30

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

69	Cyanazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	0,6
70	DDT và các dẫn xuất(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
71	Dichloprop(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	100
72	Fenoprop(+)	µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	9
73	Hydroxyatrazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	200
74	Isoproturon(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	9
75	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	2
76	Mecoprop - MCPP(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	10
77	Methoxychlor(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	20
78	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	6
79	Pendimethalin(+)	µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	20
80	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
81	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	20
82	Simazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	2
83	Trifluralin(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
84	2,4,6 - Trichlorophenol(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	200
85	Bromat(+)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	10
86	Formaldehyde(+)	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	500
87	Monochloramine(+)	µg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=30)	3.000
88	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	60
89	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	100
90	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	300
91	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	100
92	Dibromoacetonitrile(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	70
93	Dichloroacetonitrile(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
94	Trichloroacetonitrile(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	1
95	Monochloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	20
96	Dichloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	50

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

97	Trichloroacetic acid(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	200
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β(+)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.